TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 930A/2022/HC-PT
Ngày 29 – 11 – 2022
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính về xử lý vi phạm hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 468/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022, về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về xử lý vi phạm hành chính*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 451/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1891/2022/QĐPT-HC ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: 35/17/5 đường số 4, khu phố 6, phường TT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ; Địa chỉ: 168 TVB, phường TML, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Tấn Th1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị - Đội trưởng Đội quản lý Trật tự Đô thị thành phố TĐ (xin xét xử vắng mặt);

- Ông Nguyễn Minh V chức vụ: Cán sự phòng Quản lý Đô thị thành phố TĐ (có mặt);

- Bà Cù Thoại V1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố TĐ (xin xét xử vắng mặt);

- Bà Đinh Thị Thu Ng, chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố TĐ (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Th là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 19/6/2020 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 07 tháng 6 năm 2017, bà Th được Ủy ban nhân dân quận TĐ (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng nhà ở số 2567/GPXD đối với thửa đất số 303, tờ bản đồ số 79 (thửa cũ 21-22 theo tài liệu đo năm 2005) tọa lạc tại phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân quận TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 373975 ngày 05/8/2008.

Trước khi tiến hành xây dựng công trình vào tháng 3/2018, bà nộp các hồ sơ liên quan cho Ủy ban nhân dân phường TT theo quy định được ghi trong giấy phép xây dựng được cấp để Ủy ban phường theo dõi và giám sát, bà tiến hành thi công bình thường đồng thời Ủy ban phường có xuống kiểm tra thì không có gì xảy ra.

Cuối tháng 8/2018, bà Cù Thoại V1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TT mời bà lên trụ sở Ủy ban phường làm việc với nội dung: Công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng. Bà trình bày là có Giấy phép xây dựng số 2567 ngày 07/6/2017 và có treo tại công trình. Bà tiếp tục xây dựng công trình nhà ở để sử dụng.

Ngày 05/01/2019, bà V1 tổ chức lực lượng khoảng 30 người đến cưỡng chế công trình xây dựng. Bà V1 và các lực lượng trên đã đuổi thợ ra khỏi công trình, đồng thời mời 3 người thợ lên Công an phường. Sau đó, tiến hành tháo dỡ và tịch thu hết tất cả những gì có tại công trình, chất lên xe tải lớn chuyên dụng chở về phường. Ngày hôm sau bà vẫn tổ chức thi công xây dựng tiếp cho đến khi hoàn thành và vào ở từ đầu tháng 12/2018 (âm lịch).

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND xử phạt bà 25.000.000 đồng và yêu cầu dừng thi công công trình.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, bà V1 cử một nhân viên tên Bùi Ngươn H đến nhà xin gặp bà nhưng bà không tiếp và anh H điện thoại cho bà nhiều lần và cho biết Ủy ban phường trả lại cho bà vật tư thiết bị, kêu bà chở về nhưng thời điểm đó bà không còn xây dựng gì nữa nên không chấp nhận.

Ngày 22 tháng 9 năm 2019, bà làm đơn khiếu nại và xin gặp trực tiếp ông Trần Văn D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ nhưng đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 vẫn không được gặp. Bà xác định việc xây dựng không sai giấy phép nhưng bị xử phạt 25.000.000 đồng là vô lý.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, bà Cù Thoại V1 đại diện phường TT cắt khóa cổng và xâm nhập vào nhà trong khi bà không có ở nhà và di chuyển đồ đạc, đập phá ½ phần sau nhà bà làm bà bị mất hồ sơ cũng như các vật dụng trong nhà bị hư hỏng và tài sản khác như tiền đô la Mỹ, vàng.

Nay bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ. Đối với Quyết định cưỡng chế số 3180/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận TĐ, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố TĐ có đơn đề nghị vắng mặt, tại Văn bản số 4464/UBND-QLĐT ngày 10 tháng 9 năm 2020, người bị kiện trình bày ý kiến như sau:

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân phường TT kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng số 04/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị Th, vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (công trình đang thi công xây dựng), cụ thể: *"Diện tích vi phạm: 33,59m^2 (tầng 1: 7,84m^2, tầng 2: 7,84m^2, tầng 3: 17,91m^2), kết cấu: Cột bê tông, sàn bê tông, vách gạch, mái bê tông, vách tôn, cột sắt, mái tôn. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 01 năm 2019",* quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, Ủy ban nhân dân quận TĐ ban hành Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Th. Nội dung:

"...Bị áp dụng biện pháp xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức phạt chính: Áp dụng Điểm b Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Phạt tiền với mức phạt: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

b) Hình thức phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Áp dụng Khoản 12 và Khoản 13 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Th dừng thi công xây dựng công trình tại số 35/17/5, đường số 4 (thuộc thửa đất số 303, tờ bản đồ số 79), khu phố 6, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, bà Nguyễn Thị Th phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn quy định nêu trên, bà Nguyễn Thị Th không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm, cụ thể:

Tổng diện tích vi phạm: 33,59m^2. Trong đó:

+ Tầng 1: 7,84m^2;

+ Tầng 2: 7,84m^2;

+ Tầng 3: 17,91m^2;

Kết cấu: Cột bê tông, sàn bê tông, vách gạch, mái bê tông, vách tôn, cột sắt, mái tôn.

Trường hợp sau khi được cấp giấy phép xây dựng, công trình, phần công trình xây dựng không phù hợp với giấy phép xây dựng thì bà Nguyễn Thị Th phải tháo dỡ công trình hoặc phần công trình đó mới được tiếp tục xây dựng".

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục đối với việc ban hành Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 02 năm 2019. Do đó, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 541/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Khoản 1, điểm a Khoản 2, Điều 116; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 2, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 28; Điều 57; Điều 66; Điều 67; Điều 68; khoản 1 Điều 73, của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Căn cứ điểm b khoản 5; khoản 12; khoản 13 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/5/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án phía người khởi kiện không có mặt; Bản án sơ thẩm ra quyết định không khách quan; người khởi kiện đã xây dựng nhà đúng theo giấy phép xây dựng được cấp, không có xây dựng thêm ngoài giấy phép được cấp; việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TT cho rằng bà Th xây dựng trên phần hành lang an toàn mương nước, trong khi các hộ xung quanh nhà bà không có hành lang an toàn mương nước mà chỉ có mỗi nhà bà có. Do đó, bà Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết 705/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo bà Võ Thị Th, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo đã nêu trên. Không cung cấp chứng cứ mới, bà Th khẳng định mà xây dựng nhà là đúng theo giấy phép xây dựng số 2567/GPXD ngày 07/6/2017 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (nay là thành phố TĐ) cấp, không có vi phạm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, trình bày: Thống nhất theo trình bày của người bị kiện theo như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên, không đồng ý với kháng cáo của bà Th, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Ngày 13/02/2019, Ủy ban nhân dân quận TĐ ban hành Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC; cùng ngày quyết định được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường TT và niêm yết tại địa chỉ 35/17/5 đường 4, khu phố 6, phường TT (nơi có công trình xây dựng). Ngày 22/02/2019, bà Th gửi đơn khiếu nại nhưng không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 08/6/2020, bà Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên.

Nên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, xét:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 18/02/2019, Ủy ban nhân dân phường TT lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Th về hoạt động đầu tư xây dựng. Trên cơ sở đó, ngày 13/02/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ ban hành Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Th là ban hành đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 55, Điều 57, Điều 58 và Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3.2] Về nội dung:

Theo Giấy phép xây dựng số 2567/GPXD ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận TĐ (nay là thành phố TĐ) (đính kèm theo Bản vẽ cấp phép xây dựng) thể hiện bà Nguyễn Thị Th được phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại vị trí thửa 303, tờ bản đồ số 79, tại địa chỉ phường TT, quận TĐ. Tổng diện tích sàn xây dựng 250,16m^2 (03 tầng); trong đó: diện tích xây dựng tầng 1: 85,00m^2.

Theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa công trình vào sử dụng giữa bà Th và đơn vị thi công là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Tiến Hải lập ngày 09 tháng 9 năm 2018 đã thể hiện việc xây dựng nhà của bà Th được hoàn thành vào thời điểm tháng 9 năm 2018.

Trên cơ sở bà Th đã xây dựng xong công trình và đã hoàn thành thủ tục hoàn công nên ngày 29/10/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố cấp cho bà Nguyễn Thị Th: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 485353 thể hiện diện tích xây dựng là 76,9 m^2, diện tích sàn là 262,6 m^2.

Theo đó, công trình xây dựng của bà Th đã hoàn công và được cơ quan nhà nước công nhận.

Mặt khác, tại mục 4 của Giấy phép xây dựng số 2567/GPXD ngày 07/6/2017, có nội dung: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải gia hạn cấp phép. Như vậy, hiệu lực của giấy phép này chỉ trong thời hạn 12 tháng, cụ thể đến ngày 07/6/2018 giấy phép này sẽ hết hiệu lực.

Do đó, ngày 18/01/2019, bà Th xây dựng công trình tại địa chỉ 35/17/5 đường số 4, khu phố 6, phường TT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích: 33,59m^2 vẫn căn cứ vào giấy phép 2567/GPXD ngày 7/6/2017 đã hết hiệu lực là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, ngày 18/02/2019 Ủy ban nhân dân phường TT lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Th về hoạt động đầu tư xây dựng. Ngày 13/02/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ ban hành Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Th với nội dung phạt tiền và buộc dừng thi công công trình xây dựng trái phép là đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu hủy Quyết định số 705/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới nên theo đề nghị của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 116; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 2, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 28; Điều 57; Điều 66; Điều 67; Điều 68; khoản 1 Điều 73, của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ điểm b khoản 5; khoản 12; khoản 13 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 541/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TĐ.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002242 ngày 26/3/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND TP. HCM;
– VKSND TP. HCM;
– Cục THADS TP. HCM;
– Các đương sự (5);
– Lưu VT (5), HS (2), 13b, (ÁN09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu